

**THÔNG BÁO**  
**Công khai cam kết chất lượng đào tạo**  
**của Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam năm học 2020 – 2021**

STT	Nội dung	Trình độ đại học		
		Hệ đại học chính quy	Hệ đại học liên thông	Hệ liên kết Thiên Tân
I	<b>Điều kiện đăng ký tuyển sinh</b>	<p>Thông tin liên quan đến các điều kiện, hồ sơ, thời gian và địa điểm đăng ký xét tuyển: Theo quy định chung của Bộ Giáo dục &amp; Đào tạo</p> <p>-Quy định tiêu chí và ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào đại học theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo</p> <p>-Điểm trúng tuyển theo ngành. Trong xét tuyển đợt 1: Thí sinh được xét tuyển bình đẳng theo kết quả thi tốt nghiệp Trung học phổ thông quốc gia năm 2020, không phân biệt thứ tự ưu tiên của nguyện vọng đăng kí. Đối với các thí sinh bằng điểm xét tuyển ở cuối danh sách thì Học viện sẽ xét thêm điều kiện phụ. Cụ thể như sau:</p> <p>+ Với tổ hợp xét tuyển Toán – Lý – Hóa vào ngành Dược học: ưu tiên 1: môn Hóa; ưu tiên 2: môn Toán.</p> <p>+ Với tổ hợp xét tuyển Toán –Hóa - Sinh vào ngành Y khoa và Y học cổ truyền: ưu tiên 1: môn Sinh; ưu tiên 2: môn Toán.</p> <p>+ Sau khi xét thêm điều kiện phụ, nếu vẫn còn vượt chỉ tiêu thì ưu tiên thí sinh có nguyện vọng cao hơn</p>	<p><b>I. Điều kiện của người dự tuyển liên thông:</b></p> <p>Thí sinh dự tuyển liên thông trình độ đại học ngành Y học cổ truyền hệ liên thông chính qui năm 2020 phải bảo đảm các điều kiện theo quy định hiện hành về tuyển sinh đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo và có bằng tốt nghiệp Y sĩ ( Y sĩ y học cổ truyền, y sĩ đa khoa, hoặc bằng y sĩ khác)</p> <p><b>II. Phương thức tuyển sinh:</b></p> <p>1. Chỉ xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT Quốc gia năm 2020 (Học viện không tổ chức kì thi riêng).</p> <p>2. Đảm bảo chất lượng đầu vào đại học khối ngành sức khỏe theo Quy định của Bộ Giáo dục và</p>	<p><b>I. Điều kiện dự xét tuyển:</b></p> <p>- Học sinh đã tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương;</p> <p>- Có lý lịch bản thân và gia đình rõ ràng;</p> <p>- Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành;</p> <p>- Nếu là công dân nước ngoài: phải có bằng tốt nghiệp tương đương Bằng tốt nghiệp phổ thông trung học của Việt Nam</p> <p><b>II. Quyền lợi của sinh viên khi tham gia chương trình Liên kết đào tạo</b></p> <p>- Được học song ngữ Trung -</p>

<p>(Nguyên vọng 1 là nguyên vọng cao nhất).</p> <p><b>- Chính sách ưu tiên: Tuyển thẳng; ưu tiên xét tuyển:</b> thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo</p> <p><b>Đối tượng ưu tiên xét tuyển:</b> (Áp dụng cho các thí sinh không đạt điều kiện xét tuyển thẳng hay không dùng điều kiện xét tuyển thẳng).</p> <p>Thí sinh đạt giải trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia môn Toán, Hóa, Sinh, Lý sẽ được cộng điểm thưởng vào tổng điểm xét tuyển của tổ hợp xét tuyển có môn đó, cụ thể như sau: Đạt giải Nhất: cộng 3,0 điểm; Đạt giải Nhì: cộng 2,0 điểm; Đạt giải Ba: cộng 1,0 điểm; Đạt giải Khuyến khích: cộng 0,5 điểm.</p> <p><b>Đối tượng xét tuyển thẳng:</b> Đối tượng được xét tuyển thẳng vào Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam theo qui định tại điểm i, khoản 2, điều 7 của Quy chế tuyển sinh đại học; tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành giáo dục mầm non (Ban hành kèm theo Thông tư số 09/2020/TT-BGDĐT ngày 07 tháng 05 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo) phải có các điều kiện sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Có điểm trung bình các bài thi tốt nghiệp THPT đạt từ 6,00 điểm trở lên;</li> <li>+ Điểm trong Học bạ của các bài thi, môn thi thuộc tổ hợp xét tuyển theo từng ngành đạt từ 7,0 điểm trở lên ở cả 3 năm học cấp THPT</li> </ul> <p>- Mọi thông tin chi tiết về tuyển sinh được đăng trên trang thông tin điện tử: <a href="http://www.vutm.edu.vn">www.vutm.edu.vn</a></p>	<p>Đào tạo .</p> <p>3. Nếu số thí sinh có điểm xét tuyển đạt điều kiện quy định tại mục 2 cao hơn số chỉ tiêu thì điểm trúng tuyển xét từ cao xuống thấp đến khi đủ chỉ tiêu.</p> <p>4. Đối với các thí sinh bằng điểm xét tuyển ở cuối danh sách thì Học viện sẽ xét thêm điều kiện phụ. Cụ thể như sau: ưu tiên 1: môn Sinh; ưu tiên 2: môn Toán.</p> <p><b>III. Chính sách ưu tiên:</b></p> <p>Thực hiện theo đúng Quy chế tuyển sinh hiện hành (Quy chế tuyển sinh đại học; tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành giáo dục mầm non (Ban hành kèm theo Thông tư số 09/2020/TT-BGDĐT ngày 07 tháng 05 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)</p>	<p>Việt;</p> <p>- Được tiếp cận với kiến thức chuyên ngành chuyên sâu, được đội ngũ giảng viên có trình độ cao và nhiều kinh nghiệm giảng dạy;</p> <p>- Sinh viên học tập đạt kết quả cao, tích cực tham gia công tác tập thể và xã hội sẽ được khen thưởng; Và được đề nghị xét cấp học bổng khi đến học tại Đại học Trung y dược Thiên Tân.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sinh viên tốt nghiệp xuất sắc sẽ được xét nhận học bổng Thạc sỹ theo quy định;</li> <li>- Theo Nghị định 109/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 07 năm 2016 của Chính phủ quy định cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh và chữa bệnh.</li> <li>- Thông tư số 42/2018/TT-BYT ngày 26/12/2018 của Bộ Y tế Quy định về đào tạo bổ sung đối với người có văn bằng cử nhân y khoa do nước ngoài cấp.</li> <li>- Sinh viên tốt nghiệp được tham gia thi thạc sỹ tại Việt Nam theo quy định hiện hành của Bộ GD&amp;ĐT</li> </ul>
---	---	---

<p style="text-align: center;"><b>II</b></p>	<p><b>Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được</b></p>	<p><b>I. Bác sĩ Đa khoa</b>  <b>Về kiến thức</b></p> <p>MT1. Vận dụng các nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin, đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam và Tư tưởng Hồ Chí Minh, Chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước vào công tác chăm sóc, bảo vệ, nâng cao sức khỏe nhân dân.</p> <p>MT2. Vận dụng được những kiến thức về khoa học cơ bản, y học cơ sở, y tế công cộng và y học lâm sàng trong cung cấp các dịch vụ y tế cho cá nhân, gia đình và cộng đồng dựa trên bằng chứng y học.</p> <p>MT3. Vận dụng được những kiến thức y học cổ truyền, kết hợp y học hiện đại trong công tác dự phòng, chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân dựa trên bằng y học.</p> <p>MT4. Vận dụng được phương pháp luận nghiên cứu khoa học trong thực hành nghề nghiệp.</p> <p>MT5. Vận dụng được các kiến thức về kinh tế, văn hóa - xã hội đặc thù vùng miền trong chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân.</p> <p><b>Về kỹ năng</b></p> <p><i>Kỹ năng cứng</i></p> <p>MT6. Chẩn đoán, xử trí, theo dõi và dự phòng được các chứng bệnh thường gặp và các cấp</p>	<p><b>I. Bác sĩ Y học cổ truyền</b>  <b>Về kiến thức</b></p> <p>MT1. Vận dụng các nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin, đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam và Tư tưởng Hồ Chí Minh, Chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước vào công tác chăm sóc, bảo vệ, nâng cao sức khỏe nhân dân.</p> <p>MT2. Vận dụng được những kiến thức về khoa học cơ bản, y học cơ sở, y tế công cộng và y học lâm sàng trong cung cấp các dịch vụ y tế cho cá nhân, gia đình và cộng đồng dựa trên bằng chứng y học.</p> <p>MT3. Vận dụng được phương pháp luận khoa học của y học cổ truyền, kết hợp y học hiện đại trong công tác</p>
--	---	--	---

cứu thông thường. Định hướng chẩn đoán và xử trí ban đầu một số bệnh chuyên khoa và chuyển tuyến đúng dựa trên bằng chứng y học.

MT7. Chỉ định, phân tích được một số xét nghiệm và kỹ thuật thăm dò chức năng cơ bản phục vụ cho chẩn đoán và điều trị các bệnh thường gặp. Thực hiện được một số xét nghiệm, thăm dò cận lâm sàng và thủ thuật theo quy định phân tuyến kỹ thuật của Bộ Y tế dựa trên bằng chứng y học.

MT8. Thực hiện được kỹ năng truyền thông – giáo dục sức khỏe để bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân. Xác định được các vấn đề sức khỏe cộng đồng và lựa chọn được vấn đề sức khỏe ưu tiên. Phát hiện sớm dịch bệnh, đề xuất những biện pháp xử lý thích hợp nhằm chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe cá nhân, gia đình, cộng đồng.

MT9. Thực hiện được các hoạt động nghiên cứu khoa học và ứng dụng y học bằng chứng vào các lĩnh vực thực hành nghề nghiệp.

#### *Kỹ năng mềm*

MT10. Giao tiếp có hiệu quả với cá nhân, gia đình và cộng đồng. Phối hợp tốt với đồng nghiệp và cộng đồng để triển khai các hoạt động nghề nghiệp.

MT11. Sử dụng tối thiểu một ngoại ngữ để đọc, hiểu được tài liệu chuyên môn và giao tiếp tốt

phòng, chữa bệnh và nghiên cứu khoa học.

MT4. Vận dụng được các kiến thức về kinh tế, văn hóa - xã hội đặc thù vùng miền trong chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân.

#### *Về kỹ năng*

#### *Kỹ năng cứng*

MT5. Chẩn đoán, xử trí, theo dõi và dự phòng được các chứng bệnh thường gặp và các cấp cứu thông thường bằng YHCT và YHHĐ. Định hướng chẩn đoán và xử trí ban đầu một số bệnh chuyên khoa và chuyển tuyến đúng dựa trên bằng chứng y học.

MT6. Chỉ định, phân tích được một số xét nghiệm và kỹ thuật thăm dò chức năng cơ bản phục vụ cho chẩn đoán và

với các đối tác là người nước ngoài.

MT12. Sử dụng thành thạo công nghệ thông tin để phục vụ cho quản lý, học tập, nghiên cứu khoa học và hoạt động nghề nghiệp.

### **Mức độ tự chủ và trách nhiệm**

MT13. Tác phong hành nghề chuyên nghiệp theo chuẩn mực đạo đức, pháp lý và tôn trọng các giá trị văn hóa đa dạng. Tôn trọng, cảm thông, chia sẻ và hết lòng phục vụ người bệnh. Tôn trọng, chân thành hợp tác và giúp đỡ đồng nghiệp, giữ gìn, phát huy truyền thống tốt đẹp của ngành.

MT14. Trung thực khách quan, có tinh thần nghiên cứu khoa học và ý thức học tập phát triển nghề nghiệp suốt đời.

MT15. coi trọng việc kết hợp y dược học hiện đại với y dược học cổ truyền.

## **II. Bác sĩ Y học cổ truyền**

### **Về kiến thức**

MT1. Vận dụng các nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin, đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam và Tư tưởng Hồ Chí Minh, Chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước vào công tác chăm sóc, bảo vệ, nâng cao sức khỏe nhân dân.

MT2. Vận dụng được những kiến thức về khoa học cơ bản, y học cơ sở, y tế công cộng và y

điều trị các bệnh thường gặp.

Thực hiện được một số thủ thuật trong điều trị của YHCT và YHHĐ theo quy định phân tuyến kỹ thuật của Bộ Y tế dựa trên bằng chứng y học.

MT7. Thực hiện được kỹ năng truyền thông – giáo dục sức khỏe để bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân.

Xác định được các vấn đề sức khỏe cộng đồng và lựa chọn được vấn đề sức khỏe ưu tiên.

Phát hiện sớm dịch bệnh, đề xuất những biện pháp xử lý thích hợp bằng YHCT và YHHĐ nhằm chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe cá nhân, gia đình, cộng đồng.

MT8. Tham gia các chương trình YHCT trong công tác thừa kế, xã hội hoá,

học lâm sàng trong cung cấp các dịch vụ y tế cho cá nhân, gia đình và cộng đồng dựa trên bằng chứng y học.

MT3. Vận dụng được phương pháp luận khoa học của y học cổ truyền, kết hợp y học hiện đại trong công tác phòng, chữa bệnh và nghiên cứu khoa học.

MT4. Vận dụng được các kiến thức về kinh tế, văn hóa - xã hội đặc thù vùng miền trong chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân.

#### **Về kỹ năng**

##### *Kỹ năng cứng*

MT5. Chẩn đoán, xử trí, theo dõi và dự phòng được các chứng bệnh thường gặp và các cấp cứu thông thường bằng YHCT và YHHĐ. Định hướng chẩn đoán và xử trí ban đầu một số bệnh chuyên khoa và chuyển tuyến đúng dựa trên bằng chứng y học.

MT6. Chỉ định, phân tích được một số xét nghiệm và kỹ thuật thăm dò chức năng cơ bản phục vụ cho chẩn đoán và điều trị các bệnh thường gặp. Thực hiện được một số thủ thuật trong điều trị của YHCT và YHHĐ theo quy định phân tuyến kỹ thuật của Bộ Y tế dựa trên bằng chứng y học.

MT7. Thực hiện được kỹ năng truyền thông - giáo dục sức khỏe để bảo vệ và nâng cao sức

chăm sóc sức khỏe ban đầu cũng như giám sát, đánh giá các công tác YHCT tại cơ sở.

MT9. Thực hiện được các hoạt động nghiên cứu khoa học và ứng dụng y học bằng chứng vào các lĩnh vực thực hành nghề nghiệp.

##### *Kỹ năng mềm*

MT10. Giao tiếp có hiệu quả với cá nhân, gia đình và cộng đồng. Phối hợp tốt với đồng nghiệp và cộng đồng để triển khai các hoạt động nghề nghiệp.

MT11. Sử dụng tối thiểu một ngoại ngữ để đọc, hiểu được tài liệu chuyên môn và giao tiếp tốt với các đối tác là người nước ngoài.

MT12. Sử dụng thành thạo công nghệ thông tin để

khỏe nhân dân. Xác định được vấn đề sức khỏe cộng đồng và lựa chọn được vấn đề sức khỏe ưu tiên. Phát hiện sớm dịch bệnh, đề xuất những biện pháp xử lý thích hợp bằng YHCT và YHHĐ nhằm chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe cá nhân, gia đình, cộng đồng.

MT8. Tham gia các chương trình YHCT trong công tác thừa kế, xã hội hoá, chăm sóc sức khoẻ ban đầu cũng như giám sát, đánh giá các công tác YHCT tại cơ sở.

MT9. Thực hiện được các hoạt động nghiên cứu khoa học và ứng dụng y học bằng chứng vào các lĩnh vực thực hành nghề nghiệp.

#### *Kỹ năng mềm*

MT10. Giao tiếp có hiệu quả với cá nhân, gia đình và cộng đồng. Phối hợp tốt với đồng nghiệp và cộng đồng để triển khai các hoạt động nghề nghiệp.

MT11. Sử dụng tối thiểu một ngoại ngữ để đọc, hiểu được tài liệu chuyên môn và giao tiếp tốt với các đối tác là người nước ngoài.

MT12. Sử dụng thành thạo công nghệ thông tin để phục vụ cho quản lý, học tập, nghiên cứu khoa học và hoạt động nghề nghiệp.

#### **Mức độ tự chủ và trách nhiệm**

MT13. Tác phong hành nghề chuyên nghiệp

phục vụ cho quản lý, học tập, nghiên cứu khoa học và hoạt động nghề nghiệp.

#### **Mức độ tự chủ và trách nhiệm**

MT13. Tác phong hành nghề chuyên nghiệp theo chuẩn mực đạo đức, pháp lý và tôn trọng các giá trị văn hóa đa dạng. Tôn trọng, cảm thông, chia sẻ và hết lòng phục vụ người bệnh. Tôn trọng, chân thành hợp tác và giúp đỡ đồng nghiệp, giữ gìn, phát huy truyền thống tốt đẹp của ngành.

MT14. Trung thực khách quan, có tinh thần nghiên cứu khoa học và ý thức học tập phát triển nghề nghiệp suốt đời.

MT15. Coi trọng việc kết hợp y dược học cổ truyền

theo chuẩn mực đạo đức, pháp lý và tôn trọng các giá trị văn hóa đa dạng. Tôn trọng, cảm thông, chia sẻ và hết lòng phục vụ người bệnh. Tôn trọng, chân thành hợp tác và giúp đỡ đồng nghiệp, giữ gìn, phát huy truyền thống tốt đẹp của ngành.

MT14. Trung thực khách quan, có tinh thần nghiên cứu khoa học và ý thức học tập phát triển nghề nghiệp suốt đời.

MT15. Coi trọng việc kết hợp y dược học cổ truyền với y dược học hiện đại.

### **III. Dược sĩ**

#### ***Về kiến thức***

MT1. Vận dụng các nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin, đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam và Tư tưởng Hồ Chí Minh, Chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước vào công tác chăm sóc, bảo vệ sức khỏe nhân dân nói chung, liên quan đến ngành Dược nói riêng. Thực hiện các quy định, chính sách của pháp luật, luật Dược và các văn bản quy phạm pháp luật khác liên quan đến hành nghề Dược.

MT2. Vận dụng được những kiến thức về khoa học cơ bản, y dược học cơ sở, tuân thủ các quy định nghề nghiệp trong hoạt động chuyên môn Dược.

MT3. Vận dụng được về nguồn nguyên liệu

với y dược học hiện đại.



hóa dược làm thuốc, kỹ thuật sản xuất và nghiên cứu phát triển thuốc mới để xây dựng công thức, bào chế, sản xuất các dạng thuốc thông thường và một số dạng thuốc đặc biệt.

MT4. Vận dụng được về dược động học, dược lý, dược lâm sàng trong hướng dẫn sử dụng thuốc và điều trị.

MT5. Vận dụng được kiến thức, các nguyên tắc và chuẩn mực áp dụng trong hệ thống quản lý chất lượng thuốc vào việc thực hiện tốt công tác đảm bảo chất lượng thuốc và nguyên liệu làm thuốc.

MT6. Vận dụng được kiến thức về thực vật, dược liệu, dược học cổ truyền để sử dụng dược liệu vào các chế phẩm có nguồn gốc dược liệu, phát triển các bài thuốc dân gian, các phương thuốc cổ truyền một cách hiệu quả trong công tác phòng bệnh và chữa bệnh.

MT7. Vận dụng được các kiến thức cơ bản về kinh tế và quản trị kinh doanh dược để thực hiện tốt công tác cung ứng thuốc, điều hành doanh nghiệp dược hiệu quả.

### ***Về kỹ năng***

#### ***Kỹ năng cứng***

Tham gia tổ chức và triển khai được việc thực hành tốt trong các lĩnh vực: sản xuất, đảm bảo

chất lượng, tồn trữ, cung ứng và tư vấn sử dụng thuốc, mỹ phẩm và thực phẩm chức năng. Triển khai được các hoạt động khoa học công nghệ trong các lĩnh vực trên.

Cụ thể như sau:

MT8. Vận dụng kỹ năng phân tích cấu trúc thuốc hoặc các nguyên liệu làm thuốc để ứng dụng trong quá trình bảo quản, kiểm nghiệm và bào chế thuốc.

MT9. Thiết kế được công thức, xây dựng được quy trình và tiến hành bào chế được các dạng thuốc thông thường và một số dạng thuốc mới. Xây dựng và áp dụng các quy trình thao tác chuẩn (SOPs) để đảm bảo chất lượng thuốc, tham gia thực hiện được hoạt động kiểm tra chất lượng thuốc theo yêu cầu thực tế.

MT10. Tư vấn, hướng dẫn sử dụng thuốc hợp lý, an toàn, hiệu quả. Triển khai được công tác dược lâm sàng tại bệnh viện.

MT11. Chiết xuất, định tính phân lập được các thành phần hóa học trong cây thuốc; Kiểm nghiệm dược liệu bằng phương pháp hiển vi; Xây dựng được các kế hoạch bảo tồn, khai thác, nuôi trồng, chế biến các vị thuốc từ dược liệu và tổ chức, sản xuất được các thuốc có nguồn gốc từ dược liệu.

MT12. Vận dụng được kỹ năng về quản lý và kinh tế được trong lựa chọn, mua sắm, phân phối, tồn trữ thuốc phù hợp với từng địa phương, đơn vị.

MT13. Triển khai được luật Dược, các văn bản pháp qui về Dược và có khả năng đào tạo chuyên môn dược cho nhân viên y tế cũng như cộng đồng. Tổ chức được các chương trình phổ cập thông tin về thuốc.

*Kỹ năng mềm*

MT14. Có kỹ năng giao tiếp, ứng xử tốt với người bệnh, người chăm sóc, khách hàng, đồng nghiệp và cộng đồng theo chuẩn mực quy tắc ứng xử trong ngành y tế.

MT15. Sử dụng tối thiểu một ngoại ngữ để đọc, hiểu được tài liệu chuyên môn và giao tiếp tốt với các đối tác là người nước ngoài.

MT16. Sử dụng thành thạo công nghệ thông tin để phục vụ cho quản lý, học tập, nghiên cứu khoa học và hoạt động nghề nghiệp.

***Mức độ tự chủ và trách nhiệm***

MT17. Tác phong hành nghề chuyên nghiệp theo chuẩn mực đạo đức, pháp lý và tôn trọng các giá trị văn hóa đa dạng. Tôn trọng, chân thành hợp tác và giúp đỡ đồng nghiệp, giữ gìn, phát huy truyền thống tốt đẹp của ngành.

		<p>MT18. Trung thực khách quan, có tinh thần nghiên cứu khoa học và ý thức học tập phát triển nghề nghiệp suốt đời.</p> <p>MT19. Coi trọng việc kết hợp y dược học hiện đại với y dược học cổ truyền; Có ý thức bảo vệ môi trường.</p>		
III	<b>Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học</b>	<p>Người học được cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời các thông tin về việc học tập, nghiên cứu của sinh viên;</p> <p>Được sử dụng Thư viện, tài liệu học tập, phòng thí nghiệm, trang thiết bị dạy – học của Học viện;</p> <p>Được tham gia học tập, nghiên cứu tại Bệnh viện Tuệ Tĩnh và các bệnh viện thực hành; các cơ sở thực tập cộng đồng, thực tập nghề nghiệp của Học viện;</p> <p>Được tham gia các hoạt động đoàn thể, hoạt động khoa học có liên quan;</p> <p>Tạo mọi điều kiện cho sinh viên học tập, NCKH, tham gia hội thảo khoa học trong nước và quốc tế. Tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao;</p> <p>Thực hiện các chế độ, chính sách kịp thời, thỏa đáng cho sinh viên;</p> <p>Theo dõi và đề xuất các hình thức khen thưởng và kỷ luật sinh viên chính xác và kịp thời.</p>		
IV	<b>Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện</b>	<p>Đào tạo theo học chế tín chỉ, đào tạo theo Module</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Bác sĩ Đa khoa</li> <li>2. Bác sĩ Y học cổ truyền</li> <li>3. Dược sĩ đại học</li> </ol>	Bác sĩ y học cổ truyền	Cử nhân Y học cổ truyền

<p style="text-align: center;"><b>V</b></p>	<p style="text-align: center;"><b>Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường</b></p>	<p>*Ngành Y đa khoa, YHCT          Có khả năng theo học các chương trình đào tạo để được cấp văn bằng sau đại học tại các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước          - Hệ thực hành: Bác sĩ nội trú bệnh viện, Bác sĩ chuyên khoa cấp I, Bác sĩ chuyên khoa cấp II          - Hệ nghiên cứu: Thạc sĩ y học, Tiến sĩ y học          * Ngành Dược          Dược sĩ chuyên khoa cấp I, II          Thạc sĩ, Tiến sĩ</p>	<p>Có khả năng theo học các chương trình đào tạo để được cấp văn bằng sau đại học tại các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước          - Hệ thực hành: Bác sĩ nội trú bệnh viện, Bác sĩ chuyên khoa cấp I, Bác sĩ chuyên khoa cấp II          - Hệ nghiên cứu: Thạc sĩ y học, Tiến sĩ y học</p>	<p>Có khả năng theo học các chương trình đào tạo để được cấp văn bằng sau đại học tại các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước</p>
<p style="text-align: center;"><b>VI</b></p>	<p style="text-align: center;"><b>Vị trí làm sau khi tốt nghiệp</b></p>	<p>1. Bác sĩ đa khoa          - Các cơ quan quản lý về y tế.          - Các cơ sở y tế trong và ngoài công lập.          - Các trường Đại học, Học viện, Viện nghiên cứu, tổ chức chính phủ/ phi chính phủ liên quan đến vấn đề sức khỏe.          2. Bác sĩ YHCT:          - Các cơ quan quản lý về y tế.          - Các cơ sở y tế trong và ngoài công lập.          - Các trường Đại học, Học viện, Viện nghiên cứu, tổ chức chính phủ/ phi chính phủ liên quan đến vấn đề sức khỏe.          3. Dược sĩ đại học:          - Đảm nhiệm các vị trí công tác dược trong các đơn vị quản lý, cơ sở điều trị, các công ty sản xuất, kinh</p>	<p>Bác sĩ YHCT:          - Các cơ quan quản lý về y tế.          - Các cơ sở y tế trong và ngoài công lập.          - Các trường Đại học, Học viện, Viện nghiên cứu, tổ chức chính phủ/ phi chính phủ liên quan đến vấn đề sức khỏe.</p>	<p>- Các cơ quan quản lý về y tế.          - Các cơ sở y tế trong và ngoài công lập.          - Các trường Đại học, Học viện, Viện nghiên cứu, tổ chức chính phủ/ phi chính phủ liên quan đến vấn đề sức khỏe.</p>

	<p>doanh (sản xuất dược phẩm hoặc cung ứng thuốc), các trung tâm kiểm nghiệm dược phẩm, mỹ phẩm và các cơ sở y tế khác có liên quan đến ngành dược thuộc công lập và ngoài công lập</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Trực tiếp mở nhà thuốc tham gia kinh doanh thuốc theo quy định hiện hành của nhà thuốc về hành nghề dược.</li><li>- Giảng dạy, nghiên cứu khoa học và quản lý trong các đơn vị đào tạo: Trường đại học, cao đẳng, viện nghiên cứu, ....</li></ul>	
--	---	--

*Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2020*

**GIÁM ĐỐC**

*(Đã ký)*

**Đậu Xuân Cảnh**

**Biểu mẫu 18**

**BỘ Y TẾ**  
**HỌC VIỆN YDHCT VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**THÔNG BÁO**

**Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế của Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam năm học 2020 – 2021**

A. Công khai thông tin về quy mô đào tạo hiện tại

STT	Khối ngành	Quy mô sinh viên hiện tại							
		Sau đại học					Đại học		
		Tiến sĩ	Thạc sĩ	CKII	Nội trú	CKI	Chính quy	Liên thông	Thiên Tân
1	Khối ngành khoa học sức khỏe	09	206	44	12	287	4.888	23	168

B. Công khai thông tin về sinh viên tốt nghiệp và tỷ lệ sinh viên có việc làm sau 01 năm

STT	Khối ngành	Số sinh viên tốt nghiệp	Phân loại tốt nghiệp (%)			Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm sau 1 năm ra trường (%)*
			Loại xuất sắc	Loại giỏi	Loại khá	
1	Khối ngành khoa học sức khỏe					
	Bác sĩ Y học cổ truyền	632	0	18	455	87,4%

				(2,84%)	(71,99%)	
	Dược học	97	0	08 (8,24%)	83 (85,56%)	95%

C. Công khai thông tin về giáo trình, tài liệu tham khảo do cơ sở giáo dục tổ chức biên soạn

STT	Tên giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)	Năm xuất bản	Kế hoạch soạn thảo giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)
1	GT hướng dẫn chương trình y tế quốc gia (dùng cho sv ngành YHCT)	2017	
2	GT hướng dẫn thực tập cộng đồng (dùng cho sv ngành YHCT)	2017	
3	GT nội kinh chọn lọc (song ngữ)	2015	
4	GT truyền thông – gd sức khỏe (dùng cho sv ĐH ngành YHCT)	2017	
5	GT nội khoa YHCT (dùng cho đối tượng ĐH và SĐH) tập 1	2017	
6	Kinh dịch điển giảng	2006	
7	Ký sinh trùng y học (GT đào tạo bs đa khoa YHCT)	2011	
8	BG điều trị học nội khoa	2015	
9	Lương y Nguyễn Kiều một dấu son của nền YHDT Vn thế kỷ 20	2015	
10	BG bệnh học nội khoa YHCT	2015	
11	BG Tác động cột sống Tập 1	2013	



12	BG Tác động cột sống Tập 2	2013	
13	Đông dược YHCT (dành cho SV SDH và BSYHCT)	2010	
14	Giáo trình thái cực quyền dưỡng sinh (tài liệu dành cho hệ ĐHYHCT)	2010	
15	Thiết chân (tài liệu dùng cho SDHYHCT)	2006	

D. Công khai thông tin về đồ án, khóa luận, luận văn, luận án tốt nghiệp

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
1	Tiến sĩ	Nghiên cứu độc tính, tác dụng an thần trên thực nghiệm và điều trị mất ngủ không thực tổn trên lâm sàng của cao lỏng Dưỡng tâm an thần	Nguyễn Văn Tâm	1. PGS.TS Đỗ Thị Phương 2. PGS.TS Nguyễn Trần Thị Giáng Hương	
2	Tiến sĩ	Nghiên cứu tính an toàn và tác dụng của viên nang cứng Vinatan trong điều trị hội chứng rối loạn Lipid máu trên thực nghiệm và lâm sàng	Phạm Thanh Tùng	1. GS.TS Trương Việt Bình 2. PGS.TS Nguyễn Trọng Thông	
3	Thạc sĩ	Nghiên cứu bào chế và độc tính của cao đặc DDHV điều trị viêm loét dạ dày - tá tràng trên thực nghiệm.	Trần Thị Hải Hà	1. PGS.TS Đậu Xuân Cảnh 2. TS Trần Minh Ngọc	

4	Thạc sĩ	Nghiên cứu tác dụng dược lý của bài thuốc DDHV điều trị viêm loét dạ dày tá tràng do vi khuẩn Helicobacter pylori trên thực nghiệm.	Đào Thị Hương	PGS.TS Đâu Xuân Cảnh	
5	Thạc sĩ	Đặc điểm mô hình bệnh tật và khả năng đáp ứng, nhu cầu khám chữa nhóm bệnh cơ xương khớp tại Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Hải Dương.	Nguyễn Thị Ánh	1.PGS.TS Trần Thị Minh Tâm 2.TS. Lưu Minh Châu	
6	Thạc sĩ	Đánh giá tác dụng hỗ trợ điều trị bệnh gout của viên nang "Thống tiêu kỳ HV"	Hoàng Ngọc Cảnh	TS Phạm Việt Hoàng	
7	Thạc sĩ	Đánh giá độc tính và tác dụng của lá trà hoa vàng điều trị rối loạn Lipid máu.	Trương Văn Cường	TS. Nguyễn Hồng Hạnh	
8	Thạc sĩ	Nghiên cứu tác dụng chống viêm của bài thuốc "Thái bình HV" trên động vật thực nghiệm	Nguyễn Thị Như Quý	1.TS Trần Đức Hữu 2.TS Nguyễn Văn Quân	
9	Thạc sĩ	Đánh giá tác dụng của viên Linh phụ kháng Tuệ Tĩnh trên động vật thực nghiệm gây mô hình tăng sản lạnh tính tuyến tiền liệt.	Phạm Tiến Dũng	1.PGS.TS Đoàn Minh Thụy 2.PGS.TS Nguyễn Hoàng Ngân	
10	Thạc sĩ	Nghiên cứu tác dụng của viên nén Ganmo trong điều trị gan nhiễm mỡ trên lâm sàng	Trần Thị Thu Hiền	TS. Phạm Bá Tuyên	
11	Thạc sĩ	Đánh giá tác dụng	Trần Thị Thanh	TS. Lê Thị Kim	

		hỗ trợ điều trị Tăng huyết áp nguyên phát độ I, II bằng phương pháp dưỡng sinh Nguyễn Văn Hưởng	Huyền	Dung	
12	Thạc sĩ	Đánh giá tác dụng điều trị chứng thất ngôn bệnh nhân nhồi máu não sau giai đoạn cấp bằng phương pháp điện châm các huyết vùng đầu	Đỗ Hoàng Lâm	TS. Nguyễn Văn Nhường	
13	Thạc sĩ	Nghiên cứu cơ cấu bệnh tật và hoạt động khám chữa bệnh của bệnh viện Y học cổ truyền Bảo Lộc tỉnh Lâm Đồng năm 2018	Nguyễn Thùy Linh	1.TS. Lư Quốc Hùng 2.PGS.TS Trần Thị Minh Tâm	
14	Thạc sĩ	Đánh giá tác dụng hỗ trợ điều trị Thoái hóa khớp gối nguyên phát bằng phương pháp tập dưỡng sinh Nguyễn Văn Hưởng	Trần Hồng Nhung	TS. Lê Thị Kim Dung	
15	Thạc sĩ	Đặc điểm lâm sàng và mối liên quan chỉ số non-HDL-C với các thể Y học cổ truyền ở bệnh nhân rối loạn Lipid máu tại Bệnh viện Đa khoa Gò Vấp - Thành phố Hồ Chí Minh	Trần Đức Lưu	1.TS. Lư Quốc Hùng 2.PGS.TS Trần Thị Minh Tâm	
16	Thạc sĩ	Nghiên cứu tác dụng của thủy châm chế phẩm chứa nọc ong trên mô hình	Phạm Văn Thi	1.TS Lê Văn Quân 2.TS. Phạm Hồng Vân	

		động vật gây viêm và Thoái hóa khớp gối.			
17	Thạc sĩ	Đặc điểm lâm sàng và mối liên quan chỉ số non-HDLc với các thể Y học cổ truyền ở bệnh nhân rối loạn Lipid máu tại Bệnh viện tỉnh Hải Dương.	Đinh Hồng Thuận	TS. Lưu Minh Châu	
18	Thạc sĩ	Đánh giá tác dụng điều trị đau vùng cổ gáy bằng phương pháp tác động cột sống, điện châm kết hợp kéo giãn	Nguyễn Trọng Thường	1.PGS.TS Phạm Quốc Bình 2.TS Nguyễn Công Doanh	
19	Thạc sĩ	Đánh giá nhu cầu sử dụng y học cổ truyền điều trị bệnh lý cơ xương khớp tại huyện Thuận Thành tỉnh Bắc Ninh năm 2019	Nguyễn Ngọc Tiên	PGS.TS Trần Thị Minh Tâm	
20	Thạc sĩ	Đánh giá kết quả của sóng xung kích kết hợp điện châm và xoa bóp bấm huyệt điều trị Viêm quanh khớp vai thể đơn thuần	Trần Hoàng Tuấn	TS. Phạm Hồng Vân	
21	Thạc sĩ	Đánh giá tác dụng của bài thuốc CRHV kết hợp điện châm trong hỗ trợ điều trị nghiện rượu	Trần Thanh Tùng	TS. Trần Phương Đông	
22	Thạc sĩ	Đánh giá tác dụng của điện châm, xoa bóp bấm huyệt kết hợp với siêu âm trị liệu điều trị cột sống thắt lưng.	Lê Đình Việt	TS. Trần Phương Đông	

23	Thạc sĩ	Mô hình bệnh tật và mức độ đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh của người bệnh tại khoa Y học cổ truyền Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên.	Lê Thị Hải Yến	TS. Lưu Minh Châu	
24	Thạc sĩ	Đánh giá tác dụng điều trị đau vùng cổ gáy bằng bài thuốc KNC kết hợp cây chi	Nguyễn Thế Anh	TS Trần Đức Hữu	
25	Thạc sĩ	Đánh giá độc tính cấp và tác dụng điều trị mất ngủ không thực tồn của viên nén "Ích khí an thần - HVY"	Nguyễn Ngọc Đăng	PGS.TS Phạm Quốc Bình	
26	Thạc sĩ	Nghiên cứu mối liên quan chỉ số nonHDL-C, các thành phần lipid máu và các thể bệnh y học cổ truyền rối loạn lipid máu tại một số Bệnh viện thuộc Thành phố Đà Nẵng	Nguyễn Thị Hương Thu	1.TS. Lư Quốc Hùng 2.PGS.TS Trần Thị Minh Tâm	
27	Thạc sĩ	Đánh giá tác dụng điều trị đau thắt lưng do Thoái hoá cột sống của điện châm kết hợp với bài tập dưỡng sinh	Quang Ngọc Khuê	PGS.TS Đoàn Quang Huy	
28	Thạc sĩ	Đánh giá tác dụng điều trị đau cột sống thắt lưng (yêu thống) của bài thuốc "khớp HV" kết hợp phương pháp tác động cột sống.	Nguyễn Đình Minh Đạt	PGS.TS Đoàn Quang Huy	

29	Thạc sĩ	Nghiên cứu độc tính bán trường diễn trên thực nghiệm và tính an toàn của viên nang cứng HSN trên người tình nguyện.	Trương Công Anh	PGS.TS Phạm Quốc Bình	
30	Thạc sĩ	Xác định độc tính cấp và đánh giá tác dụng điều chỉnh rối loạn Lipid máu của viên nang cứng HSN trên động vật thực nghiệm.	Đỗ Nguyễn Ngọc Anh	PGS.TS Đâu Xuân Cảnh	
31	Thạc sĩ	Đánh giá tác dụng điều chỉnh rối loạn Lipid máu và chống xơ vữa động mạch của viên nang HSN trên thực nghiệm.	Đàm Thị Hào	PGS.TS Đâu Xuân Cảnh	
32	Thạc sĩ	Đánh giá tác dụng làm lành vết thương phần mềm của kem bôi cây thuốc Giấu.	Nguyễn Bích Nga	TS. Võ Tường Kha	
33	Thạc sĩ	Đánh giá tác dụng của Điện châm kết hợp bài tập MC.Kenzie trong điều trị Đau thắt lưng đơn thuần.	Nguyễn Văn Tuấn	TS. Trần Phương Đông	

E. Công khai hội nghị, hội thảo khoa học do cơ sở giáo dục tổ chức

STT	Tên chủ đề hội nghị, hội thảo khoa học	Thời gian tổ chức	Địa điểm tổ chức	Số lượng đại biểu tham dự
1	Hội nghị sông Mêkong	Tháng 7 năm 2019	Học viện YDHCT Việt Nam	300
2	Hội thảo Khoa học tuổi trẻ học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam	Ngày 6 tháng 3 năm 2020	Học viện YDHCT Việt Nam	300

3	Lễ kỷ niệm Ngày Viêm gan Thế giới 28/7 và tọa đàm nâng cao phòng trị viêm gan ở Việt Nam	Ngày 28 tháng 7 năm 2020	Học viện YDHCT Việt Nam	300
4	Hội thảo Ứng dụng Tiến bộ mới và Kết hợp hai nền Y học trong bệnh lý Gan mật tụy	Ngày 24 tháng 11 năm 2020	Học viện YDHCT Việt Nam	300

G. Công khai thông tin kiểm định cơ sở giáo dục và chương trình giáo dục

STT	Tên cơ sở đào tạo hoặc các chương trình đào tạo	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/Công nhận	Nghị quyết của Hội đồng KĐCLGD	Công nhận đạt/không đạt chất lượng giáo dục	Giấy chứng nhận/Công nhận	
						Ngày cấp	Giá trị đến
1	Học viện Y-Dược học cổ truyền Việt Nam	14-18/12/2017	Số chỉ tiêu đạt 83,61%	08/NQ-HĐKĐCLGD ngày 26/2/2018	87/QĐ-KĐCLGD ngày 14/5/2018	14/5/2018	14/5/2023

Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2020

**GIÁM ĐỐC**

(Đã ký)

**Đậu Xuân Cảnh**

**Biểu mẫu 19**

BỘ Y TẾ  
**HỌC VIỆN YDHCT VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**THÔNG BÁO**

**Công khai thông tin cơ sở vật chất của Học viện Y Dược học cổ truyền  
 Việt Nam năm học 2020 – 2021**

A. Công khai thông tin về diện tích đất, tổng diện tích sàn xây dựng

STT	Nội dung	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Hình thức sử dụng		
			Sở hữu	Liên kết	Thuê
1	Tổng diện tích đất cơ sở đào tạo quản lý sử dụng	23.408,51			
	Trong đó:				
a	Trụ sở chính	10.569,51	x		
	Giảng đường	1.460			
	Bệnh viện Tuệ Tĩnh 10 tầng	1.250			
	Bệnh viện Tuệ Tĩnh 6 tầng	430			
	Khoa Dược	200			
	Viện Nghiên cứu Y Dược Tuệ Tĩnh	300			
	Cây xanh, thảm cỏ	1.470			
	Sân đường	5.739			
	Trạm xử lý nước thải	280			
b	Cơ sở 2 tại Đồng Quan	12.739	x		
2	Tổng diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học	25.660	x		



	Trong đó:				
a	Trụ sở chính			x	
	Giảng đường	11.000			
	Bệnh viện Tuệ Tĩnh 10 tầng	10.680			
	Bệnh viện Tuệ Tĩnh 6 tầng	2.580			
	Khoa Dược	800			
	Viện Nghiên cứu Y Dược Tuệ Tĩnh	600			
b	Cơ sở Phương Dược - Phú Xuyên	1.280		x	

B. Công khai thông tin về các phòng thí nghiệm, phòng thực hành, xưởng thực tập, nhà tập đa năng, hội trường, phòng học, thư viện, trung tâm học liệu

STT	Tên	Số lượng	Mục đích sử dụng	Đối tượng sử dụng	Diện tích sàn xây dựng (m <sup>2</sup> )	Hình thức sử dụng		
						Sở hữu	Liên kết	Thuê
1	Phòng thí nghiệm			SV, GV	10.398	x		
2	Phòng thực hành	16		SV, GV	1.718,75	x		
3	Hội trường	1		SV, GV	328	x		
4	Phòng học	25		SV, GV	2.235,45	x		
5	Phòng học đa phương tiện	2		SV, GV	140.65	x		
6	Phòng học tin học	1	Học tin học	SV, GV	84,35	x		
7	Phòng thi test	1	Thi	SV, GV	56,25	x		
8	Thư viện	1	Học tập và NC	GV, CB, học viên, SV	1200	x		
9	Bệnh viện Tuệ Tĩnh	1	KCB, Thực			x		

			tập LS					
10	Bệnh viện thực hành tại Hà Nội	24	Thực hành LS				x	
11	Bệnh viện YHCT tuyển tỉnh	28	Thực tập nghề nghiệp				x	
12	Trạm y tế xã	80	Thực tập cộng đồng				x	
13	Công ty dược	02	Thực tập dược				x	

C. Công khai thông tin về học liệu (sách, tạp chí, e-book, cơ sở dữ liệu điện tử) của thư viện và trung tâm học liệu

STT	Tên	Số lượng
1	Số phòng đọc	03
2	Số chỗ ngồi đọc	370
3	Số máy tính của thư viện	40
4	Số lượng đầu sách, tạp chí, e-book, cơ sở dữ liệu trong thư viện (đầu sách, tạp chí)	Tổng 10.821 tên tài liệu (9.793 đầu sách; 59 tên báo, tạp chí, 1 bộ CSDL điện tử VIETDATA gồm 969 tài liệu)

5	Số thư viện điện tử liên kết ngoài trường	<p><a href="http://thuvienykhoa.edu.vn">http://thuvienykhoa.edu.vn</a>.</p> <p>- Liên kết khai thác kho tài nguyên nội sinh là các đề tài nghiên cứu khoa học, luận văn luận án, sách của nhà xuất bản ĐHQGHN, bài báo trong Scopus, Web of Science và kỷ yếu các hội thảo khoa học trong nước và quốc tế</p> <p><a href="http://repository.vnu.edu.vn/">http://repository.vnu.edu.vn/</a></p>
---	---	--

D. Diện tích đất/sinh viên; diện tích sàn/sinh viên

STT	Tên	Tỷ lệ
1	Diện tích đất/sinh viên	5.3
2	Diện tích sàn/sinh viên	3.3

Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2020

**GIÁM ĐỐC**

(Đã ký)

**Đậu Xuân Cảnh**

**THÔNG BÁO**

**Công khai thông tin về đội ngũ giảng viên cơ hữu  
của Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam năm học 2020 – 2021**

**A. Công khai thông tin về đội ngũ giảng viên cơ hữu**

STT	Nội dung	Tổng Số	Chức danh		Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp			
			Giáo sư	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	Cao đẳng	Trình độ khác	Hạng III	Hạng II	Hạng I	
<b>I</b>	<b>Tổng số</b>	292	0										
1	Giảng viên cơ hữu khối ngành khoa học sức khỏe	219	0	14	50	134	35				187	18	14
2	Giảng viên cơ hữu môn chung	73			10	62	1				69	4	

**B. Công khai thông tin về danh sách chi tiết đội ngũ giảng viên cơ hữu giảng dạy khối ngành Khoa học sức khỏe**

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành giảng dạy
1	Đậu Xuân Cảnh	12/12/1960	Nam	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Y học cổ truyền
2	Phạm Quốc Bình	25/04/1968	Nam	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Y học cổ truyền
3	Nguyễn Quốc Huy	28/10/1974	Nam	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Dược học
4	Đoàn Quang Huy	19/05/1965	Nam	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Y học cổ truyền
5	Nguyễn Duy Thuận	02/06/1956	Nam	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Dược học
6	Trần Thị Minh Tâm	25/02/1972	Nữ	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Y học
7	Lê Thị Tuyết	03/01/1962	Nữ	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Ký sinh trùng
8	Trần Thị Hồng Phương	09/10/1962	Nữ	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Y học cổ truyền

9	Trần Thị Thu Vân	15/09/1972	Nữ	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Y học cổ truyền
10	Trương Việt Bình	07/09/1955	Nam	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Y học cổ truyền
11	Đoàn Minh Thụy	01/03/1971	Nữ	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Y học cổ truyền
12	Phạm Vũ Khánh	17/01/1960	Nam	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Y học cổ truyền
13	Chu Văn Đức	17/10/1978	Nam		Tiến sĩ	Giải phẫu bệnh và pháp y
14	Lê Thị Kim Dung	20/08/1962	Nữ		Tiến sĩ	Y học cổ truyền
15	Lưu Minh Châu	17/10/1971	Nữ		Tiến sĩ	Y học
16	Nguyễn Mạnh Hải	17/08/1961	Nam		Chuyên khoa cấp II	Y học cổ truyền
17	Nguyễn Thị Hồng Loan	22/12/1973	Nữ		Chuyên khoa cấp II	Nội - Nội tiết
18	Nguyễn Thị Kim Ngân	30/10/1969	Nữ		Tiến sĩ	Y học cổ truyền
19	Nguyễn Thị Minh Thu	13/04/1975	Nữ		Tiến sĩ	Dược học
20	Nguyễn Thị Thủy	15/09/1974	Nữ		Tiến sĩ	Trung Y Phụ khoa
21	Nguyễn Tiến Chung	22/12/1981	Nam		Tiến sĩ	Y học cổ truyền
22	Nguyễn Văn Hải	02/08/1985	Nam		Tiến sĩ	Châm cứu
23	Nguyễn Văn Quân	04/09/1964	Nam		Tiến sĩ	Quản lý dược
24	Nguyễn Xuân Hòa	16/07/1973	Nam		Tiến sĩ	Ngoại thần kinh-sọ não
25	Phạm Thái Hưng	03/10/1973	Nam		Tiến sĩ	Ngoại Lòng ngực
26	Phạm Thanh Tùng	11/05/1968	Nam		Tiến sĩ	Y học cổ truyền
27	Phạm Thủy Phương	02/11/1974	Nữ		Chuyên khoa cấp II	Y học cổ truyền
28	Phạm Văn Thương	09/04/1962	Nam		Chuyên khoa cấp II	Chẩn đoán hình ảnh
29	Phạm Việt Hoàng	02/02/1959	Nam		Tiến sĩ	Y học cổ truyền
30	Phan Thị Hoa	08/12/1973	Nữ		Tiến sĩ	Y học cổ truyền
31	Tống Thị Tam Giang	14/11/1975	Nữ		Tiến sĩ	Y học cổ truyền
32	Trần Anh Tuấn	28/11/1983	Nam		Tiến sĩ	Y học cổ truyền
33	Trần Đức Hữu	02/01/1981	Nam		Tiến sĩ	Y học cổ truyền
34	Trần Minh Đức	11/06/1975	Nam		Tiến sĩ	Y học cổ

						truyền
35	Trần Thị Hồng Ngãi	24/09/1972	Nữ		Tiến sĩ	Y học cổ truyền
36	Trần Thị Kim Thư	12/11/1972	Nữ		Chuyên khoa cấp II	Nội - Nội tiết
37	Trần Văn Thanh	06/02/1963	Nam		Tiến sĩ	Dược học
38	Vũ Thị Thuận	15/07/1966	Nữ		Chuyên khoa cấp II	Y học cổ truyền
39	An Thị Dung	25/10/1987	Nữ		Thạc sĩ	Y học cổ truyền
40	Bàng Thị Hoài	05/05/1987	Nữ		Thạc sĩ	Y tế công cộng
41	Bùi Phương Mai	15/12/1988	Nữ		Thạc sĩ	Y học cổ truyền
42	Bùi Thị Hảo	16/08/1986	Nữ		Thạc sĩ	Dược học
43	Bùi Thị Hương Thu	19/01/1983	Nữ		Thạc sĩ	Nhi khoa
44	Bùi Thị Ngoan	13/04/1983	Nữ		Thạc sĩ	Dược học
45	Bùi Thị Thu Hằng	30/03/1975	Nữ		Chuyên khoa cấp I	Tổ chức quản lý ngành Dược
46	Cao Thị Vân Anh	14/06/1976	Nữ		Thạc sĩ	Y học
47	Đàm Thị Thu Hằng	16/11/1982	Nữ		Thạc sĩ	Răng hàm mặt
48	Đặng Thị Lan Phương	14/03/1989	Nữ		Thạc sĩ	Y học cổ truyền
49	Đặng Văn Tĩnh	24/08/1975	Nam		Chuyên khoa cấp I	Y học cổ truyền
50	Đặng Việt Sinh	08/11/1969	Nam		Thạc sĩ	Bệnh học Nội khoa
51	Đinh Thị Hương	05/12/1980	Nữ		Thạc sĩ	Luật học
52	Đinh Thị Thúy Hà	19/07/1972	Nữ		Thạc sĩ	Nội tổng hợp
53	Đinh Văn Tài	12/01/1974	Nam		Thạc sĩ	Y tế công cộng
54	Đỗ Linh Quyên	22/11/1969	Nữ		Tiến sĩ	Y học cổ truyền
55	Đỗ Thị Hồng Sâm	28/09/1977	Nữ		Thạc sĩ	Dược lý và Dược lâm sàng
56	Đỗ Thị Hường	14/06/1981	Nữ		Thạc sĩ	Sinh lý học
57	Đỗ Thị Hương Lan	26/01/1979	Nữ		Thạc sĩ	Y học
58	Đỗ Thị Thanh Chung	06/10/1981	Nữ		Thạc sĩ	Y học cổ truyền
59	Đỗ Thị Thúy Anh	30/03/1973	Nữ		Chuyên khoa cấp I	Tâm thần
60	Đoàn Hữu Xuyên	20/11/1977	Nam		Thạc sĩ	Quản trị nhân lực

61	Dương Thị Thúy Hòa	04/04/1971	Nữ		Chuyên khoa cấp I	Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng
62	Hoàng Cao Hiếu	24/12/1983	Nam		Thạc sĩ	Nội khoa Y học cổ truyền
63	Hoàng Thị Tuyết	18/04/1987	Nữ		Thạc sĩ	Y học cổ truyền
64	Hoàng Thúy Hồng	23/10/1987	Nữ		Thạc sĩ	Y học cổ truyền
65	Lã Thanh Hà	04/01/1967	Nữ		Thạc sĩ	Nội khoa (Da liễu)
66	Lê Minh Nguyệt	26/02/1987	Nữ		Thạc sĩ	Y tế công cộng
67	Lê Ngọc Hà	19/05/1989	Nữ		Thạc sĩ	Kinh tế
68	Lê Thị Huyền Trang	10/08/1988	Nữ		Thạc sĩ	Chăn nuôi
69	Lê Thị Phương Thảo	13/12/1988	Nữ		Thạc sĩ	Y học cổ truyền
70	Lê Thị Thu Hà	29/06/1978	Nữ		Thạc sĩ	Dược liệu- Dược học cổ truyền
71	Lê Thị Việt Hà	24/10/1976	Nữ		Thạc sĩ	Vi sinh vật học
72	Lê Thúy Hạnh	08/06/1982	Nữ		Thạc sĩ	Y học cổ truyền
73	Lê Văn Dũng	16/05/1981	Nam		Thạc sĩ	Vi sinh vật học
74	Lê Văn Mạnh	26/07/1986	Nam		Chuyên khoa cấp I	Y học cổ truyền
75	Lương Thị Thu Hà	19/06/1981	Nữ		Thạc sĩ	Y học dự phòng
76	Luu Minh Trung	22/11/1971	Nam		Thạc sĩ	Y học cổ truyền
77	Mai Thị Hương	26/10/1984	Nữ		Thạc sĩ	Tâm lý học
78	Mai Thúy Mai	20/06/1985	Nữ		Thạc sĩ	Y tế công cộng
79	Ngô Văn Trọng	06/11/1981	Nam		Thạc sĩ	Tai Mũi Họng
80	Nguyễn Anh Thư	30/03/1987	Nữ		Thạc sĩ	Y học cổ truyền
81	Nguyễn Du	07/11/1965	Nam		Thạc sĩ	Nội thần kinh
82	Nguyễn Duy Thức	27/10/1978	Nam		Thạc sĩ	Dược học
83	Nguyễn Huyền Trang	13/11/1985	Nữ		Thạc sĩ	Mô phôi thai học
84	Nguyễn Minh Hà	16/02/1985	Nữ		Thạc sĩ	Y học cổ truyền
85	Nguyễn Nhật Minh	09/02/1961	Nam		Chuyên khoa cấp I	Y học dân tộc

86	Nguyễn Phạm Thu Mây	15/12/1988	Nữ		Thạc sĩ	Y học cổ truyền
87	Nguyễn Phương Dung	02/02/1984	Nữ		Thạc sĩ	Dược học
88	Nguyễn Quang Dương	18/09/1983	Nam		Thạc sĩ	Y học cổ truyền
89	Nguyễn Thái Sơn	26/08/1972	Nam		Thạc sĩ	Y học cổ truyền
90	Nguyễn Thanh Nga	07/12/1984	Nữ		Thạc sĩ	Y tế công cộng
91	Nguyễn Thị Châu Giang	28/03/1978	Nữ		Thạc sĩ	Dược học
92	Nguyễn Thị Giang	20/08/1986	Nữ		Thạc sĩ	Vi sinh vật học
93	Nguyễn Thị Hậu	15/10/1980	Nữ		Thạc sĩ	Nội hô hấp
94	Nguyễn Thị Hiền	20/09/1988	Nữ		Thạc sĩ	Dược học cổ truyền
95	Nguyễn Thị Hồng Minh	03/11/1987	Nữ		Thạc sĩ	Y học cổ truyền
96	Nguyễn Thị Hồng Yến	18/06/1969	Nữ		Thạc sĩ	Y học cổ truyền
97	Nguyễn Thị Hương	17/02/1987	Nữ		Thạc sĩ	Y tế công cộng
98	Nguyễn Thị Hương Lan	25/05/1981	Nữ		Chuyên khoa cấp I	Nhi khoa
99	Nguyễn Thị Huyền	04/04/1987	Nữ		Thạc sĩ	Y học cổ truyền
100	Nguyễn Thị Lan	16/05/1988	Nữ		Thạc sĩ	Y học cổ truyền
101	Nguyễn Thị Ngọc	02/07/1988	Nữ		Thạc sĩ	Y học cổ truyền
102	Nguyễn Thị Phượng	09/01/1987	Nữ		Thạc sĩ	Y học cổ truyền
103	Nguyễn Thị Phương Thanh	28/05/1981	Nữ		Chuyên khoa cấp I	Răng hàm mắt
104	Nguyễn Thị Phương Thảo	25/10/1979	Nữ		Thạc sĩ	Kinh tế chuyên ngành thương mại
105	Nguyễn Thị Phương Thúy	28/09/1987	Nữ		Thạc sĩ	Y học cổ truyền
106	Nguyễn Thị Quỳnh Nga	07/06/1982	Nữ		Thạc sĩ	Y học cổ truyền
107	Nguyễn Thị Thanh Huyền	05/02/1984	Nữ		Thạc sĩ	Y học cổ truyền
108	Nguyễn Thị Thu Hằng	31/05/1984	Nữ		Thạc sĩ	Vi sinh vật học
109	Nguyễn Thị Thu Nga	26/08/1970	Nữ		Chuyên khoa cấp I	Dược học
110	Nguyễn Thị Thu Trang	18/10/1988	Nữ		Thạc sĩ	Y học cổ truyền



111	Nguyễn Thị Thu Trang	19/09/1984	Nữ		Thạc sĩ	Nhân khoa
112	Nguyễn Thị Trang	16/04/1988	Nữ		Thạc sĩ	Y học cổ truyền
113	Nguyễn Thị Vân Anh	27/09/1981	Nữ		Thạc sĩ	Hóa phân tích
114	Nguyễn Thiện Kha	03/09/1974	Nam		Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng
115	Nguyễn Thùy Dương	19/01/1987	Nữ		Thạc sĩ	Y học cổ truyền
116	Nguyễn Trường Nam	01/05/1987	Nam		Thạc sĩ	Y học cổ truyền
117	Nguyễn Văn Bình	20/12/1964	Nam		Thạc sĩ	Y tế công cộng
118	Nguyễn Văn Đồng	10/04/1964	Nam		Thạc sĩ	Răng hàm mắt
119	Nguyễn Vinh Huy Chính	06/08/1973	Nam		Thạc sĩ	Y học cổ truyền
120	Nguyễn Vĩnh Thanh	20/10/1976	Nam		Thạc sĩ	Y học cổ truyền
121	Nguyễn Võ Hoàng Anh	01/11/1973	Nữ		Thạc sĩ	Răng hàm mắt
122	Phạm Hà Ly	23/12/1985	Nữ		Thạc sĩ	Nhi khoa
123	Phạm Minh Vương	21/04/1988	Nam		Thạc sĩ	Y học cổ truyền
124	Phạm Quốc Sự	05/04/1972	Nam		Thạc sĩ	Y học cổ truyền
125	Phạm Quỳnh Lâm	28/09/1973	Nữ		Thạc sĩ	Phụ khoa
126	Phạm Thị Cẩm Yên	26/09/1974	Nữ		Thạc sĩ	Y học cổ truyền
127	Phạm Thị Nga	28/09/1988	Nữ		Thạc sĩ	Điều dưỡng
128	Phạm Văn Tảo	01/08/1965	Nam		Thạc sĩ	Quản lý hành chính công
129	Phan Bình Dương	12/04/1988	Nam		Chuyên khoa cấp I	Y học cổ truyền
130	Phùng Bá Dương	19/09/1978	Nam		Thạc sĩ	Hóa sinh
131	Phùng Thùy Trang	08/11/1988	Nữ		Thạc sĩ	Y học cổ truyền
132	Quách Thị Diễm Hằng	12/10/1975	Nữ		Thạc sĩ	Y học (Định hướng YHCT)
133	Quách Thị Yến	06/04/1980	Nữ		Thạc sĩ	Mô học và phôi thai học
134	Thịnh Thị Minh Thu	15/12/1988	Nữ		Thạc sĩ	Y học cổ truyền
135	Tô Lê Hồng	05/12/1977	Nữ		Thạc sĩ	Dược học
136	Tổng Thị Mai Vân	19/11/1982	Nữ		Thạc sĩ	Nội khoa

137	Trần Hải Yến	17/03/1987	Nữ		Thạc sĩ	Nội khoa
138	Trần Thanh Hà	20/10/1989	Nữ		Thạc sĩ	Y học cổ truyền
138	Trần Thị Minh	25/05/1981	Nữ		Thạc sĩ	Nội khoa
140	Trần Thị Thu Hà	13/01/1968	Nữ		Thạc sĩ	Y học cổ truyền
141	Trần Thị Thu Hiền	10/10/1983	Nữ		Thạc sĩ	Dược liệu - Dược cổ truyền
142	Trần Thị Thu Hiền	14/01/1979	Nữ		Thạc sĩ	Y học cổ truyền
143	Trần Thị Thu Hương	04/12/1977	Nữ		Thạc sĩ	Y học cổ truyền
144	Trần Thị Thu Hương	07/10/1970	Nữ		Thạc sĩ	Nội tổng hợp
145	Trần Thị Thúy Phương	11/07/1987	Nữ		Thạc sĩ	Y học cổ truyền
146	Trần Văn Phú	18/01/1970	Nam		Thạc sĩ	Nội khoa
147	Trương Anh Tuấn	01/11/1982	Nam		Thạc sĩ	Y học cổ truyền
148	Trương Thị Minh Trang	04/07/1981	Nữ		Thạc sĩ	Luật học
149	Vũ Thị Lan Anh	05/01/1982	Nữ		Thạc sĩ	Y học
150	Vũ Thị Thơ	10/09/1986	Nữ		Thạc sĩ	Điều dưỡng
151	Vũ Thị Thơm	07/05/1982	Nữ		Thạc sĩ	Da liễu
152	Vũ Thị Tố Trinh	03/05/1985	Nữ		Thạc sĩ	Phụ khoa trung y
153	Vương Thị Mai Linh	10/12/1981	Nữ		Thạc sĩ	Y học cổ truyền
154	Cù Thị Bích Thủy	19/05/1987	Nữ		Đại học	Y học cổ truyền
155	Đặng Đình Cương	01/02/1987	Nam		Đại học	Dược học
156	Đỗ Hoàng Yến	12/04/1987	Nữ		Đại học	Dược học
157	Đỗ Lan Phương	20/10/1987	Nữ		Đại học	Sinh học
158	Hoàng Trần Diệu Linh	18/03/1988	Nữ		Đại học	Y học cổ truyền
159	Kiều Đức Xương	20/10/1986	Nam		Đại học	Y học cổ truyền
160	Lê Đức Khang	05/01/1988	Nam		Thạc sĩ	Y học cổ truyền
161	Lữ Đoàn Hoạt Mười	14/04/1983	Nam		Đại học	Y học cổ truyền
162	Nguyễn Hồng Dương	16/02/1987	Nữ		Đại học	Y học cổ truyền
163	Nguyễn Khánh Tường	11/04/1963	Nam		Đại học	Dược học
164	Nguyễn Thị Thùy Ngân	26/03/1987	Nữ		Chuyên khoa cấp I	Y học cổ truyền

165	Quang Ngọc Khuê	17/05/1987	Nam		Thạc sĩ	Y học cổ truyền
166	Trần Hồng Nhung	26/10/1989	Nữ		Đại học	Y học cổ truyền
167	Bùi Thị Vân Anh	30/04/1971	Nam		Tiến sĩ	Nhân khoa
168	Hoàng Cương	08/12/1968	Nam		Tiến sĩ	Nhân khoa
169	Vũ Đức Định	16/12/1967	Nam	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Nội - Tiêu hóa
170	Đỗ Thị Phương Hà	12/08/1972	Nữ		Tiến sĩ	Dinh dưỡng
171	Nguyễn Xuân Hiệp	26/06/1963	Nam		Tiến sĩ	Nhân khoa
172	Nguyễn Thị Thái Hòa	24/01/1976	Nữ		Tiến sĩ	Ung thư
174	Nguyễn Trọng Hưng	02/10/1977	Nam		Tiến sĩ	Dinh dưỡng lâm sàng
175	Nguyễn Thị Hương	17/09/1977	Nữ		Thạc sĩ	Ung thư
176	Phùng Thị Huyền	02/09/1978	Nữ		Tiến sĩ	Ung thư
177	Nguyễn Mạnh Khánh	24/02/1975	Nam	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Y học chuyên ngành Chấn thương chỉnh hình
178	Bùi Nam Phong	02/09/1970	Nam		Thạc sĩ	Nội khoa
179	Nguyễn Duy Tuân	06/09/1983	Nam		Tiến sĩ	Y học cổ truyền
180	Nguyễn Minh Ngọc	15/7/1988	Nam		Tiến sĩ	Trung Y
181	Phạm Thị Minh	11/02/1975	Nữ		Thạc sĩ	Nội khoa (Nội tiêu hóa)
182	Bùi Thị Quỳnh	13/04/1988	Nữ		Thạc sĩ	Đa khoa
183	Nguyễn Thị Hồng Vân	06/01/1989	Nữ		Thạc sĩ	Y học cổ truyền
184	Nguyễn Thanh Tú	26/10/1991	Nữ		Thạc sĩ	Chính sách chăm sóc sức khỏe, lập kế hoạch và tài chính
185	Nguyễn Thị Như Quỳnh	27/02/1990	Nữ		Thạc sĩ	Y học cổ truyền
186	Nguyễn Thị Hương	20/10/1977	Nữ		Thạc sĩ	Sinh lý học
187	Nguyễn Hữu Khoa	04/01/1983	Nam		Thạc sĩ	Y học cổ truyền
188	Đào Văn Lưu	10/02/1987	Nam		Thạc sĩ	Dược học
189	Đỗ Ba Kế	13/04/1992	Nam		Thạc sĩ	Y học cổ truyền
190	Nguyễn Ngọc Thục	15/01/1985	Nam		Thạc sĩ	Y học cổ truyền

191	Trần Thị Hồng Nhung	08/01/1988	Nữ		Thạc sĩ	Dược học
192	Vũ Ngọc Hà	27/02/1989	Nữ		Thạc sĩ	Đa khoa
193	Phan Văn Nam	29/11/1989	Nam		Thạc sĩ	Y học cổ truyền
194	Nguyễn Văn Khiêm	06/12/1989	Nam		Thạc sĩ	Nhi khoa
195	Nguyễn Thị Diệu Thu	13/10/1993	Nữ		Thạc sĩ	Y tế công cộng
196	Nguyễn Đăng Yên	04/09/1983	Nam		Đại học	Đa Khoa
197	Đỗ Thị Ngọc Anh	07/11/1990	Nữ		Đại học	Y học cổ truyền
198	Bùi Thị Lan	19/02/1991	Nữ		Đại học	Y học cổ truyền
199	Đặng Thị Nga	19/06/1985	Nữ		Đại học	Dược sĩ
200	Nguyễn Ngọc Đăng	01/11/1988	Nam		Đại học	Y học cổ truyền
201	Hoàng Văn Vịnh	28/06/1988	Nam		Đại học	Y học cổ truyền
202	Nguyễn Hương Giang	06/12/1993	Nữ		Đại học	Y học cổ truyền
203	Nguyễn Thị Mai Linh	05/10/1989	Nữ		Đại học	Y học cổ truyền
204	Huỳnh Thị Hồng Nhung	26/04/1994	Nữ		Đại học	Y học cổ truyền
205	Vũ Thị Mai Phương	19/02/1994	Nữ		Đại học	Y học cổ truyền
206	Trần Thị Điện	28/06/1994	Nữ		Đại học	Y học cổ truyền
207	Đỗ Thị Vân	28/02/1994	Nữ		Đại học	Y học cổ truyền
208	Tạ Thị Nga	11/12/1994	Nữ		Đại học	Y học cổ truyền
209	Trần Thu Phương	03/04/1995	Nữ		Đại học	Y học cổ truyền
210	Hoàng Trọng Quân	02/11/1995	Nam		Đại học	Y học cổ truyền
211	Hoàng Trọng Tuấn	20/04/1991	Nam		Đại học	Y học cổ truyền
212	Phạm Việt Dương	10/04/1981	Nam		Đại học	Ngoại khoa
213	Nguyễn Thị Thơm	23/07/1996	Nữ		Đại học	Dược sĩ
214	Phạm Quang Khải	23/6/1995	Nam		Đại học	Đa khoa
215	Đào Thúy Hằng	15/12/1990	Nữ		Đại học	Y học cổ truyền
216	Ninh Thị Minh Thoa	14/01/1988	Nữ		Đại học	Điều dưỡng
217	Phạm Thị Thúy An	05/01/1991	Nữ		Đại học	Xét nghiệm Y học

218	Lê Thu Hiền	02/9/1995	Nữ		Đại học	Y học cổ truyền
219	Lê Thị Hằng	16/02/1993	Nữ		Đại học	Y học cổ truyền
220	Vũ Thị Phương Thảo	05/06/1987	Nữ		Đại học	Y học cổ truyền

C. Công khai tỷ lệ sinh viên/giảng viên quy đổi:

Tỷ lệ Sinh viên/Giảng viên cơ hữu quy đổi: 14,7

*Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2020*

**GIÁM ĐỐC**

(Đã ký)

**Đậu Xuân Cảnh**

**Biểu mẫu 21**

**BỘ Y TẾ**  
**HỌC VIỆN YDHCT VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**THÔNG BÁO**

**Công khai tài chính của Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam**  
**năm học 2020 – 2021**

<b>STT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Học phí/1SV/ năm năm học 2020 - 2021</b>	<b>Dự kiến Học phí/1SV của cả khóa học</b>
<b>I</b>	<b>Học phí chính quy</b>			
1	Tiến sĩ YHCT	Triệu đồng/năm	35,75	118,34 (4 năm)
2	Thạc sĩ YHCT	Triệu đồng/năm	21,45	45,05 (2 năm)
3	Bác sĩ nội trú	Triệu đồng/năm	21,45	64,35 (3 năm)
4	Bác sĩ chuyên khoa II	Triệu đồng/năm	35,75	71,5 (2 năm)
5	Bác sĩ chuyên khoa I	Triệu đồng/năm	21,45	45,05 (2 năm)
6	Đại học khối ngành Y (chính quy, liên thông)	Triệu đồng/năm	14,3	85,8 (6 năm)
7	Đại học khối ngành Dược	Triệu đồng/năm	14,3	71,5 (5 năm)
8	Đại học khối ngành Y (hệ LK Thiên Tân)	Triệu đồng/năm	14.000 tệ	
<b>II</b>	<b>Tổng thu năm 2019</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>107,724</b>	
1	Từ ngân sách	Tỷ đồng	28,895	
2	Từ học phí	Tỷ đồng	66,383	
3	Từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ cấp bộ	Tỷ đồng	0	
4	Từ nguồn hợp pháp khác	Tỷ đồng	12,446	

Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2020

**GIÁM ĐỐC**

(Đã ký)

**Đậu Xuân Cảnh**